



# **BẢN TIN THƯƠNG VỤ**

**BẢN TIN SỐ 9 – QUÝ 2 NĂM 2020**

**THƯƠNG VỤ VIỆT NAM  
TẠI NEW ZEALAND**

## TRONG SÔ NÀY

Tin tức

Chính sách và quy định kinh doanh

Cơ hội giao thương

### BAN BIÊN TẬP

1. Dương Phương Thảo

Tham tán Thương mại

2. Nguyễn Văn Canh

Bí thư thứ Hai



## TIN TỨC

### TÌNH HÌNH KINH TẾ NEW ZEALAND

#### Tình hình ngăn ngừa dịch Covid-19

Tính tới ngày 7 tháng 7 năm 2020, New Zealand có tổng cộng 1.536 ca dương tính hoặc nghi dương tính, trong đó 1.492 ca đã hồi phục, 22 ca đang điều trị tại nhà, 22 ca tử vong. New Zealand đã trải qua 67 ngày không có ca nhiễm trong cộng đồng nhưng tiếp tục xuất hiện các ca mới khi người dân từ nước ngoài về.

New Zealand được đánh giá là một trong số ít quốc gia rất thành công trong việc ngăn ngừa đại dịch Covid-19, với nhiều biện pháp được coi là quyết liệt, kịp thời như đóng cửa biên giới với người nước ngoài, cách ly công dân New Zealand từ nước ngoài về trong 14 ngày, tăng cường xét nghiệm, truyền thông liên tục, minh bạch (hợp báo trực tiếp hàng ngày), thực hiện phong tỏa toàn quốc theo 4 cấp độ, được đánh giá là cực kỳ nghiêm ngặt. New Zealand áp dụng lệnh phong tỏa cấp 4 kéo dài 7 tuần kể từ 11h59 đêm 25/3, buộc tất cả các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh không thiết yếu, trường học v.v. phải đóng cửa, người dân được yêu cầu tự cách ly, không ra khỏi nhà trừ trường hợp cần thiết và không tụ tập với người ngoài gia đình.

New Zealand tiếp tục đóng cửa biên giới với người nước ngoài, đồng thời cảnh báo công dân nước này không ra nước ngoài trong thời điểm hiện tại để tránh nguy cơ nhiễm Covid-19 cũng như giảm gánh nặng thực hiện các biện pháp cách ly, phòng ngừa lây lan vi-rút tại New

Zealand.

#### Tình hình kinh tế New Zealand

Trên thế giới, đại dịch Covid-19 trên thế giới diễn biến phức tạp, khó lường. Tại New Zealand, các nỗ lực ngăn chặn dịch bệnh, đặc biệt là việc phong tỏa đất nước ở cấp độ cao nhất (cấp độ 4) trong thời gian hơn 1 tháng, đã khiến phần lớn nền kinh tế, vốn phụ thuộc vào du lịch và xuất khẩu, hầu như ở vào trạng thái ngừng vận hành. Trong bối cảnh đó, nền kinh tế New Zealand đã chịu ảnh hưởng nghiêm trọng, rơi vào suy thoái sâu và có thể để lại hậu quả trong vài năm tới như thất nghiệp kéo dài, giảm chi tiêu của người dân và doanh nghiệp, một số lĩnh vực xuất khẩu chính gặp nhiều khó khăn.

Về mặt tăng trưởng, theo số liệu của Cục Thống kê, trong 3 tháng đầu năm 2020, GDP New Zealand tăng trưởng âm (giảm 1,6%) so với quý 4 năm 2019. Đây là lần đầu tiên nền kinh tế New Zealand giảm tăng trưởng theo quý, tính từ tháng 12 năm 2010. Tính theo năm kết thúc tháng 3 năm 2020, tăng trưởng GDP chỉ đạt 1,5%.

Xét theo lĩnh vực, các ngành dịch vụ (chiếm 2/3 nền kinh tế), GDP giảm 1,1%. Lĩnh vực sản xuất hàng hóa (chiếm 1/5 nền kinh tế), giảm 2,7% trong khi lĩnh vực cơ bản (nông, lâm, ngư, khai khoáng) giảm 1%.

Theo dự báo của Ngân hàng Dự trữ (ngân hàng trung ương New Zealand), GDP quý 2 dự kiến giảm gần 25% do đây là thời gian nền kinh tế trải qua phong tỏa ở các cấp độ cao nhất là 3 và 4; GDP cả năm 2020 dự báo giảm 10% so với năm 2019. Trong khi đó, theo Ngân hàng Westpac, GDP 6 tháng đầu năm dự kiến giảm 17%, GDP cả năm dự báo giảm 6,3%. Ngân hàng ANZ dự báo GDP cả năm của New Zealand giảm khoảng 8-10%. Quỹ Tiền tệ Thế giới (IMF) dự báo GDP cả năm của New Zealand giảm 7,2%. Mức giảm GDP dự báo này là rất lớn, vì theo Ngân hàng Westpac, GDP của New Zealand trong thời kỳ khủng hoảng tài chính toàn cầu chỉ giảm 2,7% và trải dài trong thời gian 18 tháng. Theo đánh giá, nền kinh tế New Zealand sẽ mất nhiều năm để phục hồi về trạng thái bình thường.

Về thương mại, xuất khẩu của New Zealand hầu như không bị ảnh hưởng bởi Covid-19, trong khi nhập khẩu giảm mạnh. Theo thống kê của Cục Thống kê New Zealand, trong 5 tháng đầu năm 2020, thương mại hàng hóa hai chiều của nước này đạt 48,7 tỉ NZD, trong đó xuất khẩu đạt 26,1 tỉ, tăng 0,7%, nhập khẩu đạt 22,6 tỉ, giảm 11,6% so với cùng kỳ năm 2019.

Về tỉ lệ thất nghiệp, theo số liệu của Cục Thống kê New Zealand, chỉ tính riêng trong tháng 4, số người thất nghiệp lên tới 37.000, nâng tỉ lệ thất nghiệp kể từ khi Covid-19 xuất hiện tại New Zealand lên khoảng 45.000 người. Tỉ lệ thất nghiệp trong quý 1 theo thống kê là 4,2%, dự báo sẽ tăng lên 10%-11% trong năm. Tỉ lệ thất nghiệp cao tập trung vào các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực du lịch, hàng không, điển hình là hãng hàng không Air New Zealand cắt giảm tới 3.500 nhân công. Tuy nhiên, tình trạng mất việc làm đang lan ra hầu hết các lĩnh vực, ngành nghề. Theo khảo sát của Ngân hàng ANZ, 54% doanh nghiệp dự kiến sẽ tiếp tục cắt giảm nhân công. Một số nhà kinh tế nhận định, tình trạng thất nghiệp do Covid-19 tới nay đã vượt qua thời kỳ khủng hoảng tài chính toàn cầu và có thể xảy ra các làn sóng thất nghiệp thứ 2, thứ 3 khiến số người thất nghiệp có thể lên đến con số 240.000 người.

### **Gói hỗ trợ kinh tế chống tác động của dịch Covid-19**

Kể từ khi dịch Covid-19 xuất hiện tại New Zealand, chính phủ New Zealand đã đưa ra nhiều gói kích cầu kinh tế, giảm thiểu tác động của Covid-19 như:

- Gói hỗ trợ 12,1 tỉ NZD dành cho người dân và doanh nghiệp: i) 500 triệu cho ngành y tế, ii) 5,1 tỉ trợ cấp lương cho các doanh nghiệp bị tác động, iii) 126 triệu hỗ trợ cách ly, iv) 2,8 tỉ hỗ trợ thu nhập cho đối tượng dễ bị tác động; v) 100 triệu hỗ trợ công nhân trồng rừng; vi) 2,8 tỉ hỗ trợ thuế; vii) 600 triệu hỗ trợ hàng không.

- Gói hỗ trợ trong khuôn khổ Quỹ phòng chống Covid-19 và hồi phục nền kinh tế lên tới 50 tỉ NZD.

### **DOANH NGHIỆP BÁN LẺ VẬT LỘN TÌM KIẾM NGUỒN NHẬP KHẨU HÀNG HÓA**

Theo một khảo sát của Hiệp hội bán lẻ New Zealand, 41% số doanh nghiệp bán lẻ được hỏi cho biết phải vật lộn để tìm kiếm nguồn cung hàng hóa từ nước ngoài do sản xuất ở nước ngoài giảm và số chuyến bay quốc tế giảm, các nhà cung cấp hàng hóa quốc tế phải chuyển

sang vận chuyển bằng tàu biển khiến cho thời gian vận chuyển kéo dài. Các mặt hàng thiếu nguồn cung nhất là sách, dụng cụ thể dục, xe đạp, dụng cụ nhà bếp, quần áo, đặc biệt là hàng hóa từ thị trường Trung Quốc. Theo dự báo của các chuyên gia, phải rất lâu nữa chuỗi cung ứng tại New Zealand mới có thể trở lại trạng thái bình thường.

## **CHI TIÊU DÙNG CÓ XU HƯỚNG TĂNG**

Theo dữ liệu từ công ty thẻ thanh toán Paymark, người tiêu dùng có xu hướng chi tiêu nhiều hơn trong thời gian gần đây. Chi tiêu tại các cửa hàng trong tháng 6 năm 2020 tăng 7,1%, giá trị giao dịch trung bình đạt 51 NZD so với mức 47 NZD cùng kỳ năm ngoái. Theo đánh giá, một số yếu tố khiến chi tiêu dùng tăng là tâm lý tăng chi tiêu sau phong tỏa, chính phủ có nhiều biện pháp hỗ trợ (như hỗ trợ lương), đồng thời người dân New Zealand dừng ra nước ngoài trong thời điểm hiện tại nên có nhiều tiền hơn chi trong nước.

Các doanh nghiệp bán lẻ ngày càng có lòng tin về tương lai, với 73% doanh nghiệp được hỏi tin tưởng rằng doanh nghiệp của mình có thể tồn tại trong 12 tháng tới.

Tuy nhiên, xu hướng này không diễn ra ở tất cả các lĩnh vực. Các doanh nghiệp lĩnh vực du lịch, khách sạn báo cáo mức giảm 6,1% trong tháng 6, giảm 15,5% trong quý 2. Ngoài ra, theo các chuyên gia, chi tiêu các tháng cuối năm dự kiến sẽ giảm khi chính phủ ngừng hỗ trợ lương sau tháng 9, cũng như thực trạng về nền kinh tế và việc làm trở nên rõ ràng hơn. Theo ngân hàng Kiwibank, xu hướng tăng chi tiêu này cũng khó có thể kéo dài trong bối cảnh lĩnh vực du lịch, khách sạn tiếp tục gặp khó khăn do đóng cửa biên giới và không có đóng góp vào nền kinh tế.

## **NZ MUỐN TĂNG XUẤT KHẨU NGÀNH CƠ BẢN THÊM 44 TỈ NZD**

Chính phủ New Zealand công bố kế hoạch tăng kim ngạch xuất khẩu ngành cơ bản (nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp) thêm 44 tỉ NZD trong vòng một thập kỉ tới. Mục tiêu của kế hoạch là tìm cách mang lại giá trị gia tăng lớn hơn thay vì gia tăng sản lượng, nhờ đó hàng hóa được bán với giá cao hơn.

Để đạt được mục tiêu đó, chính phủ sẽ tập trung vào một số biện pháp như đổi mới quy định về xuất khẩu, thành lập Diễn đàn các doanh nghiệp Maori hàng đầu trong ngành cơ bản và sử dụng khoa học thực phẩm để hỗ trợ các tuyên bố về sức khỏe và xuất xứ của sản phẩm.

Theo Bộ trưởng Nông nghiệp Damien O'Connor, các doanh nghiệp trong ngành phải nhanh chóng hành động và không thể tiếp tục mô hình tăng trưởng dựa trên số lượng.

Theo số liệu thống kê trong năm kết thúc vào tháng 6 năm 2019, kim ngạch xuất khẩu ngành cơ bản đạt 46,3 tỉ NZD.

## **NGÀNH CƠ BẢN DỰ KIẾN ĐẠT 48 TỈ NZD KIM NGẠCH XUẤT KHẨU NĂM 2020**

Theo dự báo của Bộ Các ngành cơ bản, kim ngạch xuất khẩu trong lĩnh vực này dự kiến sẽ tăng 3%, đưa kim ngạch trong năm kết thúc vào tháng 6 năm 2020 đạt 48 tỉ NZD. Đây là mức tăng tương đối khả quan trong bối cảnh đại dịch Covid-19 khiến xuất khẩu của nhiều nước giảm.

Theo dự báo, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm sữa trong kỳ dự kiến tăng 8,4% lên 19,6 tỉ NZD nhờ giá sữa thế giới cao cũng như tỉ giá hối đoái đô la New Zealand giảm. Lĩnh vực trồng trọt (trái cây) dự báo tăng 4,7%, chủ yếu do tăng xuất khẩu trái kiwi, rượu vang, táo, lê. Xuất khẩu thịt cừu, thịt bò cũng tăng do thiếu hụt nguồn cung ở Trung Quốc cũng như do giá thịt cừu, bò cao trong bối cảnh dịch tả heo châu Phi.

## **CHÍNH PHỦ DỰ KIẾN SỬA QUY ĐỊNH VỀ XÂY DỰNG THEO HƯỚNG THÂN THIỆN MÔI TRƯỜNG**

Theo Stuff, chính phủ New Zealand thông báo tới ngành xây dựng về kế hoạch sửa đổi quy định về xây dựng theo hướng thân thiện hơn với môi trường. Theo đó, chính phủ sẽ ban hành các quy định chặt hơn nhằm giảm phát thải, tăng độ ẩm, khô trong các tòa nhà. Chính phủ dự kiến sẽ công bố và lấy ý kiến rộng rãi vào năm 2021.

Các sửa đổi luật theo dự kiến sẽ tạo ra nhiều thay đổi trong việc xây dựng nhà cửa, bao gồm vật liệu được sử dụng, quy trình xây dựng cũng như cách thức xử lý rác thải.

## **DOANH NGHIỆP MUỐN THAY ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ VISA CHO LAO ĐỘNG NHẬP CƯ**

Các doanh nghiệp sản xuất thịt lợn New Zealand đang kêu gọi chính phủ rà soát gấp các chính sách hiện hành về visa cho công nhân nhập cư lành nghề do đang thiếu hụt trầm trọng nhân công. Các doanh nghiệp này lo lắng công nhân nhập cư đang làm việc tại các trang trại nuôi lợn có thể không được gia hạn visa cũng như các công nhân đang về nước thăm gia đình có thể không được phép trở lại New Zealand do lo ngại Covid-19 lây lan.

Các doanh nghiệp sản xuất rượu vang cũng đang kêu gọi Bộ Nhập cư New Zealand nói lỏng các chính sách và điều kiện cấp visa cho người nhập cư hiện nay do doanh nghiệp cần lao động nhưng người nhập cư lại không được tiếp tục làm việc do hết hạn visa.

## **TÌNH HÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ CỦA NEW ZEALAND**

Trong bối cảnh Covid-19 tiếp tục diễn biến nghiêm trọng trên toàn cầu, New Zealand đã cùng với một số nước đối tác ra tuyên bố chung nhằm đảm bảo thương mại cũng như chuỗi cung ứng được liên tục, không gián đoạn:

- Tuyên bố chung cấp Bộ trưởng về duy trì chuỗi cung ứng, loại bỏ các biện pháp hạn chế thương mại về các hàng hóa thiết yếu, đặc biệt là vật tư y tế giữa New Zealand, Australia, Bruney, Canada, Chile, Lào, Myanmar, Nauru.
- Tuyên bố chung cấp Bộ trưởng giữa New Zealand và Singapore về Thương mại hàng hóa thiết yếu.
- Tuyên bố chung cấp Bộ trưởng về kế hoạch hành động nhằm tạo thuận lợi cho trao đổi hàng hóa, dịch vụ thiết yếu cũng như việc đi lại của con người giữa New Zealand, Canada, Hàn Quốc, Singapore.
- Tuyên bố chung cấp Bộ trưởng của New Zealand và 20 nước thành viên APEC về đảm bảo dòng chảy thương mại và đầu tư trong khu vực.
- New Zealand và 42 thành viên WTO tái khẳng định ủng hộ hệ thống thương mại đa phương và nhấn mạnh vai trò của WTO trong công tác phòng chống Covid-19.



- New Zealand và 23 thành viên WTO khác ra tuyên bố kêu gọi các nước ban hành các biện pháp phòng chống Covid-19 theo hướng hỗ trợ thay vì ảnh hưởng xấu đến thương mại trong nông nghiệp và thực phẩm.

Ngoài ra, New Zealand tiếp tục thực hiện đàm phán Hiệp định thương mại tự do (FTA) với các đối tác.

- Hiệp định FTA UK-NZ: New Zealand và Vương quốc Anh chính thức khởi động đàm phán FTA giữa hai bên vào tháng 6 năm 2020. Vòng đàm phán đầu tiên dự kiến diễn ra vào ngày 13 tháng 7 năm 2020. Mục tiêu của New Zealand là đàm phán một FTA chất lượng cao, toàn diện và bao quát (inclusive) trong các lĩnh vực gồm: thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ và đầu tư, các vấn đề lồng ghép (cross-cutting) và các vấn đề pháp lý, thương mại bao quát. Công tác chuẩn bị được khởi động từ tháng 10 năm 2016 sau khi Vương quốc Anh quyết định rời khỏi EU.

- Hiệp định FTA EU-NZ: Đàm phán FTA NZ-EU đã diễn ra được 7 phiên. Hai bên dự kiến sẽ sớm kết thúc đàm phán do có quan điểm tương đồng đối với nhiều vấn đề trong chính sách thương mại. Phạm vi đàm phán gồm 19 lĩnh vực, bao gồm: hàng hóa, quy tắc xuất xứ, hải quan, TBT, phòng vệ thương mại, SPS, dịch vụ, đầu tư, thương mại điện tử, sở hữu trí tuệ, mua sắm chính phủ, hợp tác pháp luật, chính sách cạnh tranh, doanh nghiệp nhà nước, trợ cấp, thương mại và phát triển bền vững, các vấn đề pháp lý và thể chế, lợi ích người Maori, và các vấn đề khác về thương mại cho tất cả.

- Đàm phán Hiệp định RCEP: Các nước đàm phán RCEP đã tuyên bố kết thúc đàm phán lời văn hiệp định và hầu hết các vấn đề về mở cửa thị trường đã được nhất trí giữa 15 nước, trừ Ấn Độ. Các bên sẽ tiếp tục đàm phán về mở cửa thị trường với mục tiêu ký kết hiệp định trong năm 2020.

## **TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU CỦA NEW ZEALAND**

Theo thống kê của Cục Thống kê New Zealand, trong 5 tháng đầu năm 2020, thương mại hàng hóa hai chiều của nước này đạt 48,7 tỉ NZD, trong đó xuất khẩu đạt 26,1 tỉ, tăng 0,7%, nhập khẩu đạt 22,6 tỉ, giảm 11,6% so với cùng kỳ năm 2019.

### **Về thị trường**

Về xuất khẩu: Trong 5 tháng đầu năm, xuất khẩu của New Zealand tăng tại 13/20 thị trường chính. Xuất khẩu sang Trung Quốc, thị trường lớn nhất của New Zealand đạt 6,6 tỉ, giảm 0,4% so với cùng kỳ năm 2019. Xuất khẩu sang Australia, thị trường lớn thứ 2, đạt 3,2 tỉ, giảm 6,9%. Xuất khẩu sang Mỹ, thị trường lớn thứ 3 của New Zealand, đạt 2,8 tỉ, tăng 6,4%. Xuất khẩu sang Nhật Bản đạt 1,7 tỉ, tăng 14,6%.

Xuất khẩu sang ASEAN đạt 2,8 tỉ, tăng 9,3%, tăng ở tất cả các thị trường: Malaysia, đạt 532 triệu, tăng 12%; Indonesia, đạt 514 triệu, tăng 12,3%; Thái Lan, đạt 488 triệu, tăng 1,5%; Singapore, đạt 482 triệu, tăng 18,2%; Philippines, đạt 380 triệu, tăng 1,3%; Việt Nam, đạt 357 triệu, tăng 9,4%.

Về nhập khẩu: Nhập khẩu trong 5 tháng đầu năm từ 19/20 thị trường chính giảm. Các thị trường hàng đầu gồm: Trung Quốc, 4,7 tỉ, giảm 4,4%; Australia, 2,6 tỉ, giảm 9,1%; Mỹ, 2,4 tỉ, giảm 4,4%; Nhật Bản, 1,3 tỉ, giảm 24%. Riêng Hàn Quốc tăng 4,9%, đạt 1,1 tỉ.

Nhập khẩu từ ASEAN đạt 3,2 tỉ, giảm 14,2%, giảm ở tất cả các thị trường: Thái Lan, 975 triệu, giảm 14,7%; Singapore, 693 triệu, giảm 9,6%; Malaysia, 685 triệu, giảm 23,7%; Indonesia, 414 triệu, giảm 2,7%; Việt Nam, 359 triệu, giảm 13,8%.

### **Về mặt hàng**

**Về xuất khẩu:** 4/5 mặt hàng xuất khẩu hàng đầu của New Zealand tăng kim ngạch trong 5 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm 2019 gồm: bơ, sữa, đạt 7,5 tỉ NZD, tăng 11,2%; thịt và nội tạng, đạt 4,2 tỉ, tăng 6%; trái cây, đạt 1,9 tỉ, tăng 17,9%; chế phẩm sữa, ngũ cốc, bột và tinh bột, đạt 1,1 tỉ, tăng 12,4% trong khi gỗ và sản phẩm gỗ đạt 1,6 tỉ, giảm 30,2%.

Trong số 40 mặt hàng xuất khẩu chính, có 20 mặt hàng có kim ngạch giảm và 20 mặt hàng có kim ngạch tăng so với cùng kỳ năm trước.

**Về nhập khẩu:** Trong 5 tháng đầu năm, 29/38 mặt hàng nhập khẩu chính của New Zealand có kim ngạch giảm, chủ yếu là các loại máy móc, hàng hóa trung gian, hàng tiêu dùng, xe cộ, xăng dầu, cụ thể: máy móc, thiết bị cơ khí, đạt 3,37 tỉ NZD, giảm 4,7%; xăng dầu và sản phẩm xăng dầu, 2,59 tỉ, giảm 15,7%; xe cộ và linh kiện, 2,57 tỉ, giảm 26,5%; máy móc, thiết bị điện, 1,9 tỉ, giảm 5,5%; hàng dệt, may, 1,1 tỉ, giảm 6,8%; nhựa và sản phẩm nhựa, 896 triệu, giảm 3,4%.

Các mặt hàng nhập khẩu tăng chủ yếu là các mặt hàng như thuốc men, chất tẩy, rửa, thực phẩm, gồm: dược phẩm, đạt 652 triệu, tăng 3,5%; thức ăn thừa, 500 triệu, tăng 18%; các sản phẩm hóa chất khác, 262 triệu, tăng 20%; chế phẩm sữa, ngũ cốc, bột, tinh bột, đạt 225 triệu, tăng 9,7%; xà phòng, 184 triệu, tăng 24,2% v.v.

## **THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - NEW ZEALAND**

Theo số liệu của Cục Thống kê New Zealand, kim ngạch hai chiều Việt Nam – New Zealand trong 5 tháng đầu năm đạt 715 triệu NZD, giảm 3,6%, trong đó, New Zealand xuất khẩu sang Việt Nam đạt 357 triệu NZD, tăng 9,4%; New Zealand nhập khẩu từ Việt Nam đạt 359 triệu NZD, giảm 13,8%.

Việt Nam là nước xuất khẩu lớn thứ 16 vào New Zealand trong 5 tháng đầu năm 2020.

### **a) Xuất khẩu của Việt Nam sang New Zealand**

*ĐVT: 1.000 NZD*

STT	Mặt hàng	5T/19	5T/20	Tăng/ giảm	Tỉ trọng	Thị phần
	<b>Tổng xuất khẩu</b>	<b>415,856</b>	<b>358,653</b>	<b>-13.8%</b>	<b>100%</b>	<b>1.6%</b>
1	85 máy móc, thiết bị điện tử (điện thoại, màn hình, cầu dao, loa, đài, biến thế...)	192,683	156,481	-18.8%	44%	8.3%
2	64 giày, dép	33,890	32,573	-3.9%	9%	21.8%
3	50-63 hàng dệt, may	34,645	28,954	-16.4%	8%	2.6%
4	94 đồ nội thất	19,630	18,430	-6.1%	5%	4.5%
5	84 máy móc, thiết bị cơ khí (máy vi tính, máy in, tủ lạnh, máy giặt v.v.)	20,082	18,179	-9.5%	5%	0.5%

6	08 hạt điều, hạnh nhân, trái cây đông lạnh	12,394	12,862	3.8%	4%	7.0%
7	39 nhựa và sản phẩm nhựa	7,188	9,771	35.9%	3%	1.1%
8	03 thủy sản	8,823	6,850	-22.4%	2%	10.6%
9	34 chế phẩm giặt, làm sạch	2,595	5,738	121.1%	2%	3.1%
10	25 canxi phosphat tự nhiên, không nghiền	7,205	5,545	-23.0%	2%	5.9%
11	90 thiết bị y tế	6,046	5,161	-14.6%	1%	0.7%
12	48 giấy, bìa	4,627	5,015	8.4%	1%	1.2%
13	42 đồ da	6,228	4,640	-25.5%	1%	5.4%
14	40 cao su và sản phẩm cao su	2,912	3,590	23.3%	1%	1.4%
15	95 đồ chơi	3,424	3,431	0.2%	1%	2.0%
16	09 cà phê, trà	3,988	3,178	-20.3%	1%	4.2%
17	10 gạo	1,912	3,035	58.7%	1%	2.1%
18	16 chế phẩm thủy sản, thịt	4,804	3,030	-36.9%	1%	3.6%
19	37 vật liệu ảnh	2,416	3,027	25.3%	1%	17.9%
20	31 phân bón	2,203	2,733	24.1%	1%	1.4%

*Nguồn: Cục Thống kê New Zealand*

Bảng trên cho thấy, 11/20 mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang New Zealand trong 5 tháng đầu năm có kim ngạch giảm, 9 mặt hàng có kim ngạch tăng. Việc sụt giảm này phản ánh xu thế giảm nhập khẩu chung trong kỳ (tổng nhập khẩu 16/20 mặt hàng giảm).

Trong số 11 mặt hàng có kim ngạch giảm, 9 mặt hàng có kim ngạch giảm chủ yếu do tổng kim ngạch nhập khẩu từ thế giới giảm, gồm: máy móc, thiết bị điện tử (-8,3%); giày, dép (-3,9%); hàng dệt, may (-16,4%); đồ nội thất (-6,1%); máy móc, thiết bị cơ khí (-9,5%); thủy sản (-22,4%); canxi phosphat (-23%); thiết bị y tế (-14,6%); đồ da (-25,5%). Hai mặt hàng có kim ngạch giảm trong khi tổng nhập khẩu tăng là: cà phê, trà (-20,3%); chế phẩm thủy sản, thịt (-36,9%).

Trong số 9 mặt hàng có kim ngạch tăng, có 7 mặt hàng tăng trong khi tổng nhập khẩu giảm gồm: hạt điều, trái cây (tăng 3,8%); nhựa và sản phẩm nhựa (tăng 35,9%); giấy, bìa (tăng 8,4%); cao su và sản phẩm cao su (tăng 23,3%), đồ chơi (tăng 0,2%); gạo (tăng 58,7%); phân bón (tăng 24,1%). Có 2 sản phẩm tăng theo tổng nhập khẩu là chế phẩm làm sạch (tăng 121,1%); vật liệu ảnh (tăng 25,3%).

Xét về tỉ trọng, các mặt hàng xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam vào New Zealand gồm: máy móc, thiết bị điện tử (44%), giày, dép (9%), hàng dệt, may (8%), đồ nội thất (5%), máy móc, thiết bị cơ khí (5%), hạt điều, trái cây (4%).



Về thị phần, các mặt hàng lớn nhất gồm: giày, dép (21,8%), vật liệu ảnh (17,9%), thủy sản (10,6%), máy móc, thiết bị điện tử (8,3%), hạt điều, trái cây (7%).

Các mặt hàng có tốc độ tăng trưởng hàng đầu gồm: chế phẩm giặt, làm sạch (121,1%), gạo (58,7%), nhựa và sản phẩm nhựa (35,9%), vật liệu ảnh 925,3%), phân bón (24,1%), cao su và sản phẩm cao su (23,3%).

#### ***b) Việt Nam nhập khẩu từ New Zealand***

Kim ngạch xuất khẩu của New Zealand sang Việt Nam trong 5 tháng đầu năm 2020 đạt 357 triệu NZD, tăng 9,4%. Việt Nam là thị trường xuất khẩu lớn thứ 13 của New Zealand trong 5 tháng đầu năm 2020.

*ĐVT: 1.000 NZD*

STT	Mặt hàng	5T/19	5T/20	Tỉ trọng	Tăng trưởng
	<b><i>Tổng nhập khẩu từ New Zealand</i></b>	<b>325,915</b>	<b>356,590</b>	<b>100%</b>	<b>9.4%</b>
1	04 bơ, sữa	192,453	197,520	55%	2.6%
2	08 trái cây, hạt	42,170	58,145	16%	37.9%
3	44 gỗ và sản phẩm gỗ	33,711	29,470	8%	-12.6%
4	21 các chế phẩm ăn được	14,453	21,871	6%	51.3%
5	03 thủy sản	9,823	20,714	6%	110.9%
6	48 giấy và bìa các tông	3,622	4,392	1%	21.3%
7	41 da thuộc	3,168	2,996	1%	-5.4%
8	35 Các chất chứa albumin; các dạng tinh bột biến tính; keo hồ; enzym	533	2,969	1%	457.0%
9	19 chế phẩm từ ngũ cốc, bột, tinh bột, sữa	3,891	2,047	1%	-47.4%
10	12 Hạt dầu và quả có dầu; các loại hạt, hạt giống và quả khác; cây công nghiệp hoặc cây dược liệu; rơm, rạ và cỏ khô	1,023	1,906	1%	86.3%

*Nguồn: Cục Thống kê New Zealand*

Xét về tỉ trọng, các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu hàng đầu từ New Zealand gồm: các sản phẩm bơ sữa (55%), trái cây, hạt (16%), gỗ và sản phẩm gỗ (8%), các chế phẩm ăn được (6%), thủy sản (6%).

Xét theo tốc độ tăng trưởng, các mặt hàng có tốc độ tăng trưởng cao nhất gồm: keo hồ, enzym (tăng 457%), thủy sản (tăng 110,9%), hạt dầu và quả có dầu (tăng 86,3%), trái cây, hạt (tăng 37,9%). Trong 10 mặt hàng xuất khẩu hàng đầu sang Việt Nam, chỉ có 3 mặt hàng có kim ngạch giảm là gỗ và sản phẩm gỗ (giảm 12,6%), da thuộc (giảm 5,4%), chế phẩm ngũ cốc, bột, tinh bột, sữa (giảm 47,4%).

## **QUY ĐỊNH NHẬP KHẨU CÁC LOẠI HẠT KHÔ VÀ/HOẶC ĐÃ QUA CHẾ BIẾN DÀNH CHO NGƯỜI**

Theo quy định của New Zealand, doanh nghiệp muốn nhập khẩu thực phẩm vào New Zealand phải đăng ký danh sách với Bộ Các ngành cơ bản New Zealand (MPI) hoặc thuê một nhà nhập khẩu thực phẩm đã đăng ký với MPI.

Ngoài ra, thực phẩm nhập khẩu phải đáp ứng các yêu cầu nêu ra trong các Tiêu chuẩn Y tế với Sản phẩm nhập khẩu (Import Health Standards – IHS) cụ thể do MPI ban hành. Thương vụ Việt Nam tại New Zealand xin giới thiệu tóm tắt quy định về nhập khẩu các loại hạt khô và/hoặc đã qua chế biến làm thực phẩm cho người (SPP.HUMAN.IHS) để các doanh nghiệp quan tâm tham khảo. Đề nghị các doanh nghiệp nghiên cứu bản gốc IHS [tại đây](#):

### **Phần 1: Yêu cầu**

#### **1.1 Phạm vi áp dụng**

- IHS này chỉ áp dụng cho việc nhập khẩu các loại hạt khô và/hoặc đã qua chế biến (kể cả đông lạnh) làm thực phẩm cho con người.

#### **1.3 Kiểm tra an toàn sinh học**

- Ngay khi hàng hóa cập cảng New Zealand, các chứng từ kèm theo lô hàng sẽ được kiểm tra tại cảng đến.

- Nhân viên kiểm tra cũng có thể kiểm tra lô hàng hoặc mẫu hàng hóa.

- Hàng hóa không tuân thủ yêu cầu trong IHS có thể không được thông quan vào New Zealand và có thể được yêu cầu xử lý thêm, trả lại nước xuất khẩu, tiêu hủy hoặc các biện pháp khác được Giám đốc Kỹ thuật coi là phù hợp.

- Việc vận chuyển hàng hóa cũng có thể bị đình chỉ nếu phát hiện một số loại sinh vật gây hại hoặc hạt giống cỏ thuộc diện phải kiểm soát.

- Nhà nhập khẩu phải chịu mọi chi phí liên quan.

### **Phần 2: Các yêu cầu trước khi vận chuyển hàng hóa**

#### **2.1 Giấy tờ cần thiết**

- Các loại giấy tờ nên được viết bằng tiếng Anh. Đối với các giấy tờ bằng ngôn ngữ khác, nếu nhân viên kiểm tra không thể xác định liệu hàng hóa có đáp ứng các yêu cầu nhập khẩu vào New Zealand hay không, MPI bảo lưu quyền yêu cầu nhà nhập khẩu bổ sung bản dịch do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Giấy phép nhập khẩu: Không bắt buộc, trừ hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Phần 3.8 của IHS này.

- Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật: Nhà nhập khẩu phải trình giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (bản gốc) theo quy định tại Phần 4 và 5 của IHS này do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu (trường hợp này là Cục Bảo vệ thực vật) cấp.

- Giấy tờ khác: ngoài giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, hàng hóa phải kèm theo các giấy tờ khác như vận đơn, hóa đơn hàng không, ngoài các quy định tại Phần 3.2.

- Giấy chứng nhận của nhà sản xuất phải được in trên tiêu đề thư có tên công ty (letterhead), được ký bởi người đại diện có thẩm quyền và có các nội dung như: i) chữ ký, chức danh, ngày ký; ii) tên và địa chỉ nhà cung cấp (nếu khác với nhà sản xuất); iii) mô tả sản phẩm hoặc thương hiệu; iv) thông tin về quy trình chế biến; v) ngày sản xuất.

## **2.2 Thực hiện biện pháp kiểm dịch thực vật (SPS) trước khi vận chuyển**

### **2.2.1 Kiểm tra lô hàng trước khi vận chuyển**

- Đối với hàng hóa bắt buộc phải có giấy chứng nhận SPS, Cục Bảo vệ thực vật phải kiểm tra xem hàng hóa có sinh vật gây hại thuộc diện kiểm soát hay không.

- Nếu có sinh vật gây hại thuộc diện phải kiểm soát, lô hàng phải bị từ chối xuất khẩu sang New Zealand hoặc phải được xử lý loại bỏ sinh vật gây hại trước khi xuất khẩu.

- Cục Bảo vệ thực vật chỉ được cấp giấy chứng nhận SPS sau khi xác nhận biện pháp xử lý sinh vật gây hại có hiệu quả.

### **2.2.2 Xét nghiệm lô hàng trước khi vận chuyển**

- Đối với hàng hóa bắt buộc phải có giấy chứng nhận SPS, Cục Bảo vệ thực vật phải đảm bảo rằng biện pháp xử lý sinh vật gây hại có hiệu quả. Hàng hóa phải được xét nghiệm nhằm phát hiện các loại hạt có khả năng sinh trưởng tại một phòng thí nghiệm được Hiệp hội xét nghiệm hạt giống quốc tế công nhận.

- Nếu phát hiện các loại hạt có khả năng sinh trưởng, lô hàng phải bị từ chối xuất khẩu sang New Zealand hoặc phải được xử lý loại bỏ hạt giống trước khi xuất khẩu.

### **2.2.3 Các yêu cầu về xử lý hàng hóa trước khi vận chuyển**

- Nói chung, việc xét nghiệm để phát hiện sinh vật gây hại đối với các hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của IHS này là không bắt buộc. Trường hợp được yêu cầu, hàng hóa cần có giấy chứng nhận SPS với các khai báo bổ sung phù hợp nếu việc xử lý sinh vật gây hại được thực hiện trước khi xuất khẩu.

## **2.3 Đóng gói và dán nhãn hàng hóa**

- Bao bì đóng gói phải sạch sẽ, không dính đất và các chất ô nhiễm khác.

- Nhãn hàng hóa nên bằng tiếng Anh và không bị rách để nhân viên kiểm tra dễ dàng nhận diện.

## **2.4 Yêu cầu về quá cảnh**

- Tất cả hàng hóa phải được đóng gói và vận chuyển phù hợp để phòng việc phá hoại và/hoặc bị nhiễm sinh vật gây hại sau khi sản xuất/xử lý.

- Không được mở bao bì trên đường quá cảnh

- Đối với hàng hóa bắt buộc phải có giấy chứng nhận SPS, trong quá trình quá cảnh và nằm dưới sự kiểm soát trực tiếp của Cục Bảo vệ thực vật nước quá cảnh, nếu được lưu kho, chia tách hoặc thay đổi bao bì tại nước quá cảnh trên đường đến New Zealand, hàng hóa phải được cấp thêm “giấy chứng nhận tái xuất khẩu” ngoài giấy chứng nhận SPS ban đầu.

- Không cần giấy chứng nhận tái xuất khẩu trong trường hợp hàng hóa bị giữ lại để thay đổi phương tiện vận chuyển và vẫn nằm trong công-ten-nơ band đầu.

### **Phần 3: Các yêu cầu khi cập cảng**

- Các hàng hóa thuộc diện rủi ro phải được nhân viên kiểm tra thực hiện thông quan, trả lại nước xuất khẩu hoặc tiêu hủy. Nhà nhập khẩu có trách nhiệm khai báo hàng hóa thuộc diện rủi ro tới nhân viên kiểm tra.

- Hàng hóa chưa được thông quan phải nằm dưới sự kiểm soát của MPI và không được di chuyển hoặc tác động nếu không được cho phép.

- Các chi phí lấy mẫu, kiểm tra, xử lý, vận chuyển, kiểm dịch, trả lại nước xuất khẩu... do nhà nhập khẩu chịu.

#### **3.4 Kiểm tra khi cập cảng**

- Đối với hàng hóa thuộc diện phải kiểm tra theo quy định tại Phần 4 và 5, các lô hàng sẽ được kiểm tra và/hoặc xét nghiệm ngẫu nhiên để đảm bảo lô hàng đảm bảo điều kiện thông quan.

- Hàng hóa không thuộc diện kiểm tra thông thường sẽ không bị kiểm tra nếu đáp ứng các yêu cầu trong phần 1.3.

##### **3.4.1 Kiểm tra**

- Nhân viên kiểm tra sẽ kiểm tra hàng hóa để phát hiện sinh vật gây hại, đất hoặc các chất lẫn dễ thấy khác.

##### **3.4.2 Kế hoạch lấy mẫu**

- Nếu hàng hóa thuộc diện phải kiểm tra, mỗi lô trong cả chuyến hàng đều phải lấy mẫu. Một mẫu tối thiểu là 5kg/chuyến hàng. Nếu cả chuyến hàng ít hơn 5kg thì tất cả hàng hóa đều phải kiểm tra.

- Hàng hóa phải được lấy mẫu theo kế hoạch dưới đây:

<b>Lô</b>	<b>Số mẫu</b>
1-50	2
51-100	3
101-200	4
201-350	6
351-500	8
501-750	10
751-1200	12
1201-2000	15
2001-3500	20
3501-5000	25
Trên 5000	40

### **3.5 Phát hiện sinh vật gây hại và các chất lẫn**

- Trường hợp phát hiện sinh vật sống, nhà nhập khẩu có thể được quyền xác định xem sinh vật đó có phải sinh vật gây hại thuộc diện phải kiểm soát không. Nếu có, hàng hóa phải được xử lý, trả lại nước xuất khẩu hoặc tiêu hủy theo yêu cầu của MPI. Hàng hóa có thể được cho thông quan nếu sinh vật gây hại được phát hiện không thuộc diện phải kiểm soát.

#### **3.5.1 Mức độ chấp nhận được (dung sai) đối với các hạt giống lẫn**

- Đối với hàng hóa được xử lý nhiệt hoặc chế biến ở các trạm trung chuyển tại New Zealand, các loại hạt lẫn phải được nêu trong giấy chứng nhận phân tích hạt. Hàng hóa thuộc diện này không phải xử lý thêm vì quy trình xử lý hoặc chế biến tại các trạm trung chuyển sẽ làm các loại hạt này mất khả năng sinh trưởng.

- Đối với các hàng hóa cần kiểm tra an toàn sinh học khi cập cảng, dung sai đối với hạt lẫn tối đa là 0,1% trọng lượng. Giống và số lượng hạt lẫn phải được mô tả trong giấy chứng nhận phân tích hạt hoặc được nhân viên kiểm tra của MPI xác định thông qua kiểm tra mẫu khi cập cảng.

- Các hàng hóa cần kiểm tra an toàn sinh học khi cập cảng không được phép có các hạt lẫn thuộc các giống liệt kê trong danh mục Hạt giống cỏ thuộc diện kiểm soát (Phần 1.5.2) trong IHS: Importation of Grains/Seeds for consumption, feed or processing hoặc thuộc các giống “Cấm nhập khẩu) hoặc liệt kê trong Danh mục An toàn sinh học Thực vật (PBI).

- Khi lô hàng có mức độ hạt lẫn cao hơn dung sai cho phép, MPI sẽ cho nhà nhập khẩu một số lựa chọn như: loại bỏ các hạt lẫn, xử lý để hạt giống không thể sinh trưởng, trả lại nước xuất khẩu hoặc tiêu hủy hàng hóa.

**Phần 4: Điều kiện nhập khẩu đối với các loại hạt, tảo hoặc nấm không sản xuất thương mại. Đề nghị tham khảo chi tiết tại IHS gốc.**

**Phần 5: Điều kiện nhập khẩu đối với các loại hạt, tảo hoặc nấm được sản xuất thương mại**

#### **5.1 Thực phẩm đóng hộp đã nấu hoặc bảo quản có nguồn gốc thực vật, tảo hoặc nấm**

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra hàng hóa
- Các sản phẩm có nguồn gốc thực vật có chứa sản phẩm động vật phải đáp ứng cả các yêu cầu nhập khẩu đối với các sản phẩm động vật đó (ví dụ thịt, trứng, sữa).

#### **5.2 Thực phẩm đã nấu, quay, chần, nướng hoặc bảo quản có nguồn gốc thực vật, tảo hoặc nấm**

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật, tảo, nấm được sản xuất thương mại đã được nấu (quay, hầm, chần hoặc nướng) hoặc các loại trái cây và rau được bảo quản/ngâm giấm, được bảo quản trong dung dịch nước muối, a-xít, rượu, dầu hoặc xi rô.
- Hàng hóa nên có giấy chứng nhận hoặc tuyên bố của nhà sản xuất.

#### **5.3 Ngũ cốc, sản phẩm ngũ cốc và hạt sấy**



- Các loại ngũ cốc, sản phẩm ngũ cốc và hạt sấy có yêu cầu riêng đối với từng loại. Các doanh nghiệp có thể tham khảo danh sách trong IHS gốc.

#### ***5.4 Các loại thảo mộc, gia vị, rễ, củ sấy khô và đồ uống***

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với các hàng hóa được sản xuất thương mại và là: i) gia vị nghiền; ii) thảo mộc nghiền, đã vò nát hoặc thái nhỏ.

- Các loại thảo mộc, gia vị khô không nghiền, đồ uống có các yêu cầu riêng với từng loại. Các doanh nghiệp có thể tham khảo danh sách trong IHS gốc.

#### **5.5 Trái cây và rau củ**

##### ***5.5.1 Trái cây và rau củ tươi***

- Xem quy định tại IHS về trái cây và rau củ tươi.

##### ***5.5.2 Trái cây và rau củ tươi bóc vỏ, thái, xắt khúc***

- Xem quy định tại IHS về trái cây và rau củ tươi.

##### ***5.5.3 Hàng hóa tươi đã chế biến***

- Chỉ dành riêng cho một số thương hiệu được MPI phê duyệt theo công bố trên website của MPI.

##### ***5.5.4 Trái cây và rau củ sấy***

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với các loại trái cây và rau củ sấy khô, sấy lạnh được sản xuất thương mại và được liệt kê trong Danh mục An toàn sinh học Thực vật (PBI) như đề cập ở trên, trừ các loại có hạt thuộc diện hạt cấm nhập khẩu.

##### ***5.5.5 Trái cây và rau củ ngâm giấm***

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với các sản phẩm sản xuất thương mại.

##### ***5.5.6 Trái cây và rau củ bọc đường, ngâm đường, ướp muối, ngâm muối hoặc xi rô***

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với các sản phẩm sản xuất thương mại.

##### ***5.5.7 Trái cây và rau củ dạng nước ép, nghiền, chất lỏng***

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với các sản phẩm sản xuất thương mại.

##### ***5.5.8 Trái cây và rau củ đã nấu***

- Xem quy định tại phần 5.2

##### ***5.5.9 Trái cây và rau củ đông lạnh***

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với các sản phẩm sản xuất thương mại, trừ các loại sau:

+ rong biển ăn được đông lạnh;

+ lá của các loại cam quýt đông lạnh;

- + nấm ăn được đông lạnh;
- + các loài không nằm trong danh mục PBI hoặc bị cấm nhập khẩu; nếu lẫn các loại hạt hoặc vật chất có thể lây lan khác.
- hoa ly bóc vỏ, đông lạnh có thể được nhập khẩu.
- Trường hợp nhân viên kiểm tra tin rằng hàng hóa được sản xuất thương mại nhưng không dán nhãn, hàng hóa đó vẫn được cấp chứng nhận thông quan an toàn sinh học nếu quy trình đông lạnh có thể được kiểm chứng phù hợp các điều kiện sau:
  - Đối với vật chủ của loài ruồi không ăn trái cây, sản phẩm phải được đông lạnh đến nhiệt độ lõi đạt  $-10^{\circ}\text{C}$  hoặc thấp hơn trong tối thiểu 7 ngày.
  - Đối với vật chủ của loài ruồi ăn trái cây, sản phẩm phải được đông lạnh đến nhiệt độ lõi đạt  $-18^{\circ}\text{C}$  hoặc thấp hơn trong tối thiểu 7 ngày.

#### **5.5.10 Rong biển đông lạnh**

- Rong biển đông lạnh có thể không được phép nhập khẩu trừ khi được chế biến bổ sung để đảm bảo rong biển không sinh trưởng được theo một trong các cách sau:
  - + luộc ở  $90^{\circ}\text{C}$  trong ít nhất 30 phút sau đó đông lạnh tới  $-18^{\circ}\text{C}$ ;
  - + chần ở  $90^{\circ}\text{C}$  trong ít nhất 1 phút sau đó ngâm trong giấm và làm lạnh tới  $-18^{\circ}\text{C}$ ;
  - + làm nóng đến  $75^{\circ}\text{C}$  trong 15 phút sau đó ướp với nước sốt gia vị và làm lạnh tới  $-18^{\circ}\text{C}$ ;
  - + nướng các lát mỏng (tối đa 0,05mm) ở  $300^{\circ}\text{C}$  trên đĩa nướng, sấy khô, nêm gia vị, cắt và làm lạnh tới  $-18^{\circ}\text{C}$ .
- Tất cả các hàng hóa phải đi kèm với giấy chứng nhận hoặc tuyên bố của nhà sản xuất.

### **5.6 Nấm**

#### **5.6.1 Nấm sấy**

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với nấm sấy sản xuất thương mại nếu được nhập khẩu kèm theo vận đơn hoặc vận đơn hàng không, trừ các loại sau:
  - + lô hàng nấm cục phải dán nhãn là nấm cục và tuân thủ yêu cầu trong ghi chú bên dưới;
  - + lô hàng nấm linh chi nguyên chất phải được dán nhãn là nấm linh chi và tuân thủ yêu cầu trong ghi chú bên dưới;
  - + lô hàng nấm gỗ phải được xử lý nhiệt theo mục 3.7.
- Tất cả các lô hàng nấm sấy khác phải được kiểm tra sinh vật gây hại và các chất lẫn.

Ghi chú:

- Nấm cục có thể sinh trưởng bị cấm nhập khẩu.
- Tất cả các lô hàng nấm cục không phải loại nấu súp đều phải dán nhãn.
- Các lô hàng dán nhãn nấm cục sẽ phải xét nghiệm để phát hiện các vật chất có khả năng sinh trưởng.

- Hàng hóa nghi là nấm cục hoặc nấm sây không khô hoàn toàn sẽ bị tạm giữ và nhà nhập khẩu phải thực hiện xét nghiệm phát hiện vật chất có thể sinh trưởng, xử lý nhiệt hoặc trả lại nước xuất khẩu.

### **5.6.2 Nấm đông lạnh**

- Các loại nấm ăn được (đông lạnh) sau đây có thể được nhập khẩu: *Agaricus bisporus*, *Boletus edulis*, *Cantharellus cibarius*, *Craterellus cornucopioides*, *Lentinula edodes*, *Marasmius oreades*, *Morchella conica* và *Morchella esculentus*.

- Các loại nấm này phải được đông lạnh thương mại và phải kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật với tuyên bố bổ sung như sau:

- “Loại nấm [tên khoa học] trong lô hàng này đã được làm đông lạnh thương mại và giữ ở nhiệt độ tối thiểu -18°C trong 7 ngày trước khi giao hàng” kèm theo giấy chứng nhận của nhà sản xuất có chữ ký của người có thẩm quyền trong công ty, nêu rõ tên và địa chỉ của nhà sản xuất, thông tin chính xác về quá trình chế biến và ngày chế biến.

### **5.7 Các loại đậu (đỗ)**

- Danh sách chi tiết các loại đậu và yêu cầu đối với từng loại được nêu tại mục 5.7 của IHS gốc.

### **5.8 Các loại hạt**

- Danh sách chi tiết các loại hạt và yêu cầu đối với từng loại được nêu tại mục 5.8 của IHS gốc.

### **5.9 Dầu thực vật và dầu thực vật thể rắn đã chế biến**

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với sản phẩm được chế biến và đóng gói thương mại, trừ trường hợp Stearin dầu cọ hydro hóa phải kiểm tra.

### **5.10 Chiết xuất thực vật, tảo và nấm**

- Không có yêu cầu về giấy chứng nhận hoặc kiểm tra đối với chiết xuất thực vật, tảo, nấm được sản xuất thương mại dưới dạng viên nang, viên nén, bột, hồ, chất lỏng và xi rô có thể bảo quản ở nhiệt độ phòng (shelf-stable) và không lẫn sinh vật có khả năng sinh trưởng.

### **5.11 Phần hoa**

- Phần hoa thông không được phép nhập khẩu

- Phần do ong thu thập được quy định tại IHS: Sản phẩm từ ong

- Phần không do ong thu thập phải được sản xuất thương mại thành dạng viên nang hoặc viên nén.

## **CƠ HỘI GIAO THƯƠNG**

### **CÔNG TY WINDSOR ARCHITECTURAL HARDWARE**

Công ty Windsor Architectural Hardware tìm kiếm các nhà máy tại Việt Nam có khả năng cung cấp các sản phẩm như: tay nắm cửa, linh kiện lắp cửa, cửa sổ bằng vật liệu đồng, hợp kim thiếc hoặc nhôm.

Các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất các mặt hàng trên có thể liên hệ để tiếp thị sản phẩm theo địa chỉ:

### **CÔNG TY WINDSOR ARCHITECTURAL HARDWARE**

Mr. Mark Billcliff, Supply Chain Executive Manager

Di Động: +64 27 234 2495

Email: mark.billcliff@windsorhardware.co.nz

Website: <http://www.windsorhardware.co.nz/>

### **CÔNG TY O'HALLORAN & COMPANY**

Công ty O'Halloran & Company đang tìm nhà cung cấp tấm bê tông 3D từ Việt Nam. Các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất các mặt hàng trên có thể liên hệ để tiếp thị sản phẩm theo địa chỉ:

### **CÔNG TY O'HALLORAN & COMPANY**

Mr. Michael O'Halloran, Director

Email: ohalloranm@xtra.co.nz

### **CÔNG TY PLUMBLINE**

Công ty Plumblime cần tìm nhà cung cấp thiết bị vệ sinh từ Việt Nam. Các doanh nghiệp Việt Nam sản xuất các mặt hàng trên có thể liên hệ để tiếp thị sản phẩm theo địa chỉ:

### **CÔNG TY PLUMBLINE**

Mr. Barend Swanepoel

Email: barend.swanepoel@plumblime.co.nz

Website: <https://www.plumblime.co.nz>

### **THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI NEW ZEALAND**

ĐT/Fax: + 64 4 8033 775

Email: nz@moit.gov.vn

Địa chỉ: Level 2, 90- 92 Dixon Street, Te Aro

Hòm thư: PO Box 11095, Manners Street, Wellington 6142